TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trang Văn Hai
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2709/2012/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa:

1.Nguyên đơn: Bà **Trương Mai H**, sinh năm 1977
Địa chỉ: 36/9, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
2.Bị đơn: Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1976.
Địa chỉ: 26B, khu phố 6, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Trương Mai H có mặt,
ông Lê Văn L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2018,15/12/2018 tại bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trương Mai H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn L kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, hôn nhân là tự nguyện. Từ khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, thường xuyên gây lộn, đánh lộn

nhiều năm. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thủy Hà A, sinh ngày 11/6/1999 và cháu Lê Tuấn M, sinh ngày 30/7/2007. Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tuấn M và không yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con, cháu Lê Thủy Hà A, sinh ngày 11/6/1999 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Văn L nhưng ông Lê Văn L vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Mai H. Về con chung: Giao cháu Lê Tuấn M cho bà Trương Mai H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con, cháu Lê Thủy Hà A đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Bà Trương Mai H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Lê Văn L theo quy định của pháp luật, nhưng ông Lê Văn L vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Mai H và ông Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 56 ngày 29/4/1999 nên áp dụng Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Mai H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà Trương Mai H trình bày từ khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, thường xuyên gây lộn, đánh lộn nhiều năm. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Lê Văn L.

Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông Lê Văn L đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Lê Văn L không đến, cho thấy ông Lê Văn L không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 03/4/2019 tại địa phương thì ông Lê Văn L có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 26B, khu phố 6, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ trên và giữa bà Trương Mai H và ông Lê Văn L có mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay không còn ở chung với nhau, đã ly thân. Xét thấy, bà Trương Mai H đã không còn tình cảm với ông Lê Văn L, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Trương Mai H xin ly hôn với ông Lê Văn L là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Mai H, cho ly hôn giữa bà Trương Mai H và ông Lê Văn L.

[3]Về con chung: Bà Trương Mai H và ông Lê Văn L có 02 con chung là cháu Lê Thủy Hà A, sinh ngày 11/6/1999 và cháu Lê Tuấn M, sinh ngày 30/7/2007. Khi ly hôn, cháu Lê Thủy Hà A, sinh ngày 11/6/1999 đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Trương Mai H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tuấn M và không yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Ông Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến gì về con chung, cháu Lê Tuấn M có nguyện vọng được ở với mẹ, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Lê Tuấn M nên giao cháu Lê Tuấn M cho bà Trương Mai H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho cháu. Tạm thời ông Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lê Thủy Hà A đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]Về tài sản chung: Bà Trương Mai H trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]Về nợ chung: Bà Trương Mai H trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6]Về án phí: Bà Trương Mai H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Mai H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Mai H và ông Lê Văn L.

Về con chung: Cháu Lê Thủy Hà A, sinh ngày 11/6/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Giao cháu Lê Tuấn M, sinh ngày 30/7/2007 cho bà Trương Mai H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Trương Mai H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 009970 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Trương Mai H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến